

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Bac Liêu, ngày 08 tháng 4 năm 2022

# MỤC LỤC

Bạc Liêu, ngày 08 tháng 4 năm 2022.....	1
<b>PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>	<b>1</b>
1. Thông tin khái quát về Công ty.....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
4. Định hướng phát triển .....	4
5. Các rủi ro.....	4
<b>PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>6</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
“Lực lượng lao động trẻ, năng động, sáng tạo .....	9
là nòng cốt cho sự phát triển bền vững của PPC” .....	9
2. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	10
3. Tình hình tài chính.....	10
4. Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	12
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty .....	13
<b>PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>15</b>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc .....	15
2. Tình hình tài chính.....	15
3. Kế hoạch phát triển tương lai .....	17
4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán .....	18
<b>PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>19</b>
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty năm 2021.....	19
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc .....	20
<b>PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>22</b>
1. Hội đồng quản trị.....	22
2. Ban kiểm soát .....	25
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành.....	29

## PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát về Công ty

#### Thông tin chung

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam
Tên tiếng Anh	: PETROVIETNAM PACKAGING JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: PPC
Giấy chứng nhận ĐKDN số	: 1900437757 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp lần đầu ngày 11 tháng 06 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 08 năm 2019
Vốn điều lệ	: 47.995.160.000 đồng
Địa chỉ	: Lô A 1-3 Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Số điện thoại	: (0291) 395.7555
Số fax	: (0291) 395.7666
Website	: <a href="http://pbp.vn">http://pbp.vn</a>
Mã cổ phiếu	: PBP
Sàn chứng khoán	: HNX

#### Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, có uy tín và vị thế trên bản đồ kinh tế thế giới trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì đóng gói và phân bón thông qua chiến lược phát triển bền vững.

#### Sứ mệnh

Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao. Đảm bảo lợi ích người lao động, khách hàng và nhà đầu tư.

#### Giá trị cốt lõi

**Uy Tín:** Xây dựng thương hiệu uy tín, đảm bảo minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Trách nhiệm:** Công ty luôn đặt tâm huyết và trách nhiệm cao nhất trong mỗi sản phẩm để giữ gìn hình ảnh tốt đẹp của thương hiệu cũng như niềm tin của khách hàng.

**Thân thiện:** Tất cả mọi hoạt động của Công ty đều theo hướng phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

**Sáng tạo:** Không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào quản lý, sản xuất nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng, đa dạng sản phẩm – dịch vụ hóa để đáp ứng nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước.

#### Văn hóa PPC



## Quá trình hình thành và phát triển

Những mốc lịch sử quan trọng	
Năm 2010	10/06/2010 Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam chính thức thành lập; 28/06/2010 Tổ chức lễ khởi công Dự án Nhà máy sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu tại Lô A 1-3 Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.
Năm 2011	Hoàn thành dự án, chuyển giao công nghệ. Ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm bao bì với Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).
Năm 2012	Tháng 04/2012 Nhà máy sản xuất Bao bì chính thức đi vào hoạt động vận hành và chạy thương mại. Tháng 12/2012 PPC chính thức trở thành Công ty con của PVCFC.
Năm 2013	Công suất bao bì đạt 100% thiết kế.
Năm 2014	Vận hành và ghép thành công sản phẩm bao BOPP trên máy tráng tận dụng.
Năm 2015	27/01/2015 Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán PBP.
Năm 2016	16/12/2016 Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu hoàn thành và đưa vào vận hành. PPC cán mốc 20 triệu sản phẩm thương mại cung cấp cho thị trường.
Năm 2017	Đưa sản phẩm phân bón N Humate + TE ra thị trường. PBP được cấp giấy chứng nhận ISO 9001:2015.
Năm 2018	Công ty tăng vốn lên 45.709.940.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 12%.
Năm 2019	PPC tiếp tục tăng vốn lên 47.995.160.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông. Công ty đã hoàn tất việc tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn và hiệu quả.
Năm 2020	Công ty hoàn thành kế hoạch trước đại dịch Covid 19 và hạn xâm nhập mặn Tây Nam Bộ.
Năm 2021	Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh; Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19.

## Một số thành tựu đạt được

Trải qua 11 năm hình thành và phát triển, PPC với sự nỗ lực bền bỉ, tinh thần đoàn kết của cả tập thể nhân sự, chiến lược phát triển bền vững cùng nền tảng công nghệ tiên tiến; Đến nay, Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì chất lượng cao tại Việt Nam, trong đó chủ lực là Bao PP dệt, PP tráng PE và BOPP ghép màng.

Năm 2015, PPC được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương và Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về các thành tích xuất sắc trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2016, Công ty được nhận bằng khen của Thủ tướng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 2019, PPC thực hiện tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Hơn thế nữa, Công ty đã chủ động triển khai, tổ chức xây dựng kênh phân phối kinh doanh phân bón riêng của PPC.

Năm 2020, Công ty được nhận bằng khen của Thủ tướng về giải thưởng chất lượng quốc gia; Nhận Cờ Thi đua của Tập Đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam.



## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

**Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:**

**Sản xuất sản phẩm chính:**

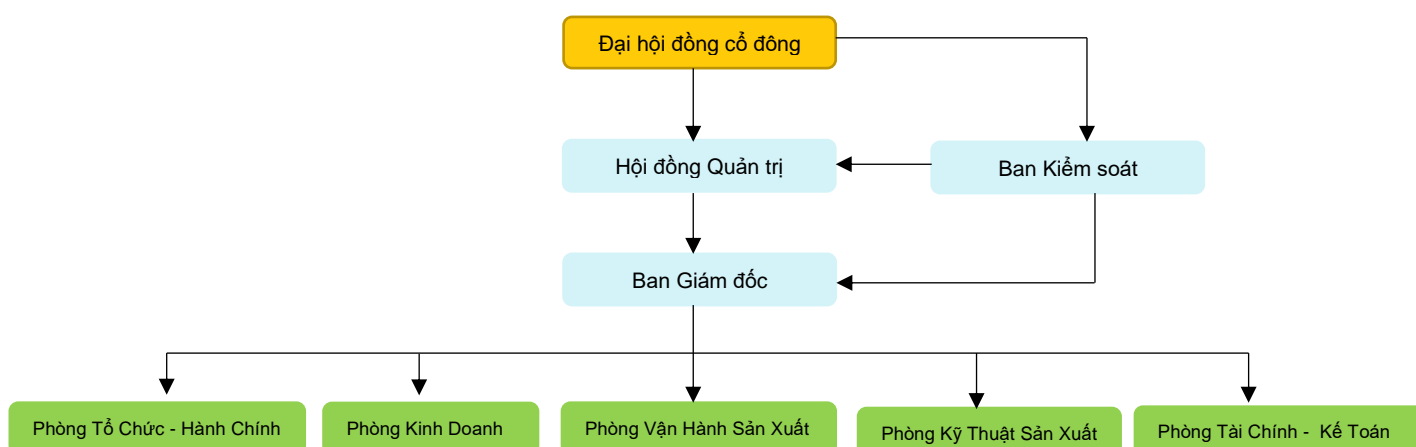
- Sản xuất bao bì;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn phân bón;

**Sản xuất kinh doanh khác:**

- Bán buôn chất dẻo nguyên sinh;
- Kinh doanh chỉ may bao bì, PP, PE cotton.
- Quảng cáo;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- In ấn.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

**Sơ đồ bộ máy Công ty**



**Loại hình doanh nghiệp:** Công ty Cổ phần, Công ty tổ chức theo mô hình:

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Là Cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.
- **Ban Kiểm soát (BKS):** Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc, trong việc quản lý, điều hành công ty, trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính để đảm bảo tính trung thực, hợp pháp và hệ thống, nhất quán.
- **Ban Giám đốc (BGĐ):** Giám đốc là điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty.

#### 4. Định hướng phát triển

##### Công ty mẹ

**Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)** (chiếm 51,03% cổ phần của PPC)

**Vốn điều lệ:** 5.294.000.000.000 đồng

**Địa chỉ :** Lô D, KCN Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**Hoạt động kinh doanh chính của PVCFC là:** sản xuất và kinh doanh phân bón

**Công ty con, công ty liên kết:** Không có.

##### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Xây dựng bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả;

Vận hành an toàn, ổn định Nhà máy sản xuất phân bón và Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Chủ động tổ chức các công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa 02 Nhà máy vận hành liên tục;

Luôn đáp ứng nhu cầu cả về số lượng lẫn chất lượng cho Khách hàng;

Quản lý các chi phí một cách hiệu quả nhằm đưa ra giá cả hợp lý, đảm bảo chất lượng cho Khách hàng;

Giữ vững thị phần trong nước và tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu;

Đầu tư máy móc thiết bị, nghiên cứu để đưa ra các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường;

Phát triển, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm phân bón;

Luôn gia tăng lợi ích cho người lao động và cổ đông Công ty.

##### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ... trong ngành sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì, trong đó hoạt động sản xuất bao bì PP chất lượng cao làm lĩnh vực cốt lõi;

Tiếp tục phát triển mảng bao bì, dự kiến đạt sản lượng 25-30 triệu bao/năm;

Tăng thị phần mảng bao bì từ khách hàng bên ngoài tối thiểu 30%, bên cạnh đó đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm bao bì và phân bón sang Campuchia, Lào;

Đẩy mạnh gia công các sản phẩm phân bón mới cho PVCFC và các đối tác bên ngoài nhằm đảm bảo nhà máy đạt công suất tối đa.

##### Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

PPC luôn đặt mục tiêu sản xuất kinh doanh đi đôi với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng. Đặt trọng tâm vào công tác xã hội cũng như chăm lo, cải thiện đời sống vật chất lẫn tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên phối hợp với cơ quan chức năng địa phương và tổ chức xã hội nhằm thực hiện các chương trình cộng đồng để giúp đỡ các hoàn cảnh gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi, các mẹ Việt Nam Anh hùng,...

#### 5. Các rủi ro

##### Rủi ro kinh tế

Năm 2021, kinh tế thế giới, Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Với sự nỗ lực của Nhà nước trong phòng, chống dịch Covid-19, nền kinh tế đang bước vào quỹ đạo phục hồi, thích ứng linh hoạt với dịch bệnh, hầu hết các ngành, các lĩnh vực đã tăng trưởng trở lại, kinh tế phục hồi GDP tăng 2,58% so với năm trước, thu ngân sách nhà nước đạt 1.523,4 ngàn tỷ đồng, tăng 13,3% so với dự toán, xuất khẩu 336,25 tỷ USD, xuất siêu 4 tỷ USD.

PPC là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì với những khó khăn chung của nền kinh tế, ảnh hưởng của dịch bệnh. Công ty luôn theo dõi sát tình hình diễn biến của dịch bệnh, kinh tế xã hội trong nước và thế giới để có những kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp, không bị động, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **Rủi ro pháp luật**

Công ty đã niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội nên Công ty tuân thủ các chính sách, quy định theo đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Môi trường, Theo đó, Công ty luôn chủ động cập nhật và theo dõi các chính sách, chủ trương mới của nhà nước, luật pháp và thông lệ quốc tế để đưa ra mục tiêu, kế hoạch phù hợp với quy mô sản xuất của Công ty.

### **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu đầu vào của PPC chủ yếu là hạt nhựa PP (Poly Propylen) chiếm phần lớn chi phí sản xuất kinh doanh. Do đó, sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Hiện nay, nguồn cung hạt nhựa PP của PPC phần lớn đến từ nhà máy lọc dầu Dung Quất, một phần nhỏ phải nhập khẩu từ Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan,... Mặc khác, nguyên liệu này là chế phẩm từ dầu khí DO vậy biến động giá dầu trong thời gian qua cũng tác động mạnh đến giá nguyên vật liệu đầu vào của PPC. Những năm qua, giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động đã gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất bao bì nói chung và Công ty nói riêng.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chủ động nghiên cứu thị trường nhằm có chiến lược hợp lý trong việc mua dự trữ nguyên vật liệu đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm, đàm phán với các nhà cung cấp để ký được hợp đồng năm với mức giá và nguồn cung ổn định.

### **Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh như: đại dịch Covid, hạn hán, xâm nhập mặn, động đất,... Các rủi ro này có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, đại dịch tác động tiêu cực đến nền kinh tế trong và ngoài nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021, PPC đã thực hiện thành công giải pháp phòng, chống dịch Covid-19, đảm bảo vận hành sản xuất liên tục với kết quả như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	TH 2021	% TH/KH 2021	% TH 2021/ TH 2020
<b>Sản lượng sản xuất</b>						
Bao bì	Triệu bao	24,35	24,98	25,89	103,61%	106,30%
Phân bón	Nghìn tấn	3,84	13,00	6,42	49,39%	167,16%
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>						
Bao bì	Triệu bao	25,28	25,10	25,43	101,28%	100,60%
Phân bón	Nghìn tấn	13,08	17,01	9,73	57,21%	74,40%
<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>278,43</b>	<b>236,34</b>	<b>330,00</b>	<b>139,63%</b>	<b>118,52%</b>
Bao bì	Tỷ đồng	186,49	188,21	234,11	124,38%	125,53%
Phân bón	Tỷ đồng	91,91	48,13	95,87	199,18%	104,31%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	0,04		0,03		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>6,88</b>	<b>7,09</b>	<b>7,53</b>	<b>106,13%</b>	<b>109,48%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5,57</b>	<b>5,68</b>	<b>5,80</b>	<b>102,20%</b>	<b>104,17%</b>
<b>Tỷ lệ chia cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>8</b>	<b>8,5</b>			

- Năm 2021, Nhà máy Bao bì vận hành ổn định đạt 104% công suất thành phẩm, cung cấp bao bì một cách chủ động và đầy đủ, đảm bảo tiến độ, chất lượng cho hoạt động đóng gói sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau cũng như các khách hàng bên ngoài. Trong năm, sản lượng bao bì sản xuất 25.885,02 nghìn bao đạt 103,61% so với KH và vượt 6,30% so với năm 2020 và hoàn thành kế hoạch đề ra. Sản xuất phân bón thực hiện 6.420,06 tấn đạt 49,39% so với KH và đạt 167,16% so với năm 2020.

- Về sản lượng tiêu thụ bao bì năm 2021 thực hiện 25.430,21 nghìn bao đạt 101,28% so với KH và đạt 100,60% so với năm 2020. Sản lượng tiêu thụ phân bón thực hiện 9.732.605 tấn đạt 57,21% so với KH và đạt 74,40% so với năm 2020.

- Về doanh thu, năm 2021 thực hiện 330,00 tỷ đồng, đạt 139,63% so với KH và 118,52% so với năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2021 thực hiện đạt 7,53 tỷ đồng đạt 106,13% so với KH và 109,48% so với năm 2020.

#### Tổ chức và nhân sự

#### Danh sách Ban Điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/01/2019
2	Ông Trịnh Tiến Sỹ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/03/2020
3	Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25/05/2019
4	Ông Lê Cảnh Khánh	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 12/10/2020

## Sơ yếu lý lịch của các Thành viên Ban điều hành

**ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN - GIÁM ĐỐC**

Năm sinh: 13/08/1975

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
Từ 06/1997 đến 08/2001	Kỹ sư vận hành tại Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí
Từ 08/2001 đến 03/2005	Kỹ sư cơ khí, Phòng kỹ thuật tại Ban quản lý dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Từ 03/2005 đến 04/2008	Tổ trưởng tổ Cơ khí, Phòng Cơ điện – Tự động hóa tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty CP
Từ 04/2008 đến 09/2008	Phó phòng kỹ thuật tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty CP
Từ 09/2008 đến 07/2011	Giám đốc Xưởng sửa chữa Cơ khí tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty CP
Từ 07/2011 đến 08/2012	Phó Giám đốc kỹ thuật, Phó Giám đốc phụ trách tại CTCP Bảo dưỡng & Sửa chữa công trình Dầu khí - Chi nhánh miền Nam
Từ 08/2012 đến 05/2013	Phó trưởng Ban Quản lý bảo dưỡng tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 05/2013 đến 02/2016	Trưởng ban Quản lý bảo dưỡng tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 02/2016 đến 10/2017	Phó Giám đốc Nhà máy Đạm kiêm Trưởng ban Quản lý bảo dưỡng tại Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 10/2017 đến 01/2019	Phó trưởng Ban Kế hoạch đầu tư tại CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 06/2018 đến nay	Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 01/2019 đến nay	Giám đốc tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện	577.355 cổ phiếu tương ứng 12,03% vốn điều lệ

**ÔNG TRỊNH TIẾN SỸ - PHÓ GIÁM ĐỐC**

Năm sinh: 07/01/1980

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Máy & Thiết bị CNHC Dầu khí
Quá trình công tác	
Từ 07/2006 đến 03/2009	Kỹ sư, phòng Quản lý công trình, Công ty TNHH MTV xây lắp hóa chất, số 124, Đống Đa, Hà Nội
Từ 08/2009 đến 05/2011	Học viên Ban dịch vụ & đào tạo Dự án Đạm Cà Mau.
Từ 06/2011 đến 03/2012	Kỹ sư Bộ phận chuẩn bị sản xuất, Ban QLDA cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau.
Từ 04/2012 đến 03/2013	Trưởng ca xưởng ammonia, Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Từ 04/2013 đến 08/2015	Phó Trưởng Phòng ATSKMT, Ban KTCN, nay là Ban ATSKMT, Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.
Từ 09/2015 đến 01/2018	Trưởng phòng ATSKMT, Ban ATSKMT, Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
Từ 02/2018 đến 04/2019	Trưởng phòng CBSX, Ban QLDACN, Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
Từ 04/2019 đến 03/2020	Quản đốc xưởng NPK – Nhà Máy Đạm Cà Mau, Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
Từ 03/2020 đến nay	Phó Giám đốc tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**ÔNG NGUYỄN THANH NHUẬN - PHÓ GIÁM ĐỐC**

Năm sinh: 02/03/1981

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện – Điện tử
Quá trình công tác	
Từ 2006 – 2011	Kỹ sư Điện – Điện tử Công ty TNHH Thủy sản NiGiCo
Từ 2011 - 05/2016	Trưởng phòng Quản trị - Kỹ thuật Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 05/2016 - nay	Phó Giám đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**ÔNG LÊ CẢNH KHÁNH – KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Năm sinh: 28/09/1970

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 1992 đến 1996	Kế toán trưởng Trung tâm Tôm – Đại học Cần Thơ Kế toán trưởng Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ
Từ 2011 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	1.470 cổ phiếu tương ứng 0,03% vốn điều lệ

**Thay đổi Thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành:**

Stt	Nghị quyết/ Quyết định	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	01/NQ-ĐHCD ngày 22/04/2021 ĐHĐCD TN 2021	Ông Vũ Chí Dương	Trưởng Ban kiểm soát	Tái bổ nhiệm ngày 22/04/2021
2	01/NQ-ĐHCD ngày 22/04/2021 ĐHĐCD TN 2021	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	Tái bổ nhiệm ngày 22/04/2021

**Cơ cấu nhân sự**

**“Lực lượng lao động trẻ, năng động, sáng tạo  
là nòng cốt cho sự phát triển bền vững của PPC”**

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>219</b>	<b>100,00%</b>
	- Cao đẳng, đại học, trên đại học	44	20,09%
	- Trung cấp chuyên nghiệp	21	9,59%
	- Sơ cấp chuyên nghiệp	9	4,11%
	- Phổ thông và công nhân kỹ thuật	145	66,21%
<b>II</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>219</b>	<b>100,00%</b>
	- Hợp đồng có xác định thời hạn	93	42,47%
	- Hợp đồng không xác định thời hạn	126	57,53%
	- Hợp đồng theo thời vụ (công nhất)	0	0,00%
	- Hợp đồng thử việc	0	0,00%
<b>III</b>	<b>Theo độ tuổi</b>	<b>219</b>	<b>100,00%</b>
	- Dưới 30 tuổi	75	34,25%
	- 30-39 tuổi	99	45,21%
	- 40-49 tuổi	40	18,26%
	- 50-55 tuổi	5	2,28%
<b>IV</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>219</b>	<b>100,00%</b>
	- Nam	147	67,12%
	- Nữ	72	32,88%

## Thu nhập bình quân của người lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động	Người	217	219
Thu nhập bình quân	triệu đồng /tháng/người	8,27	8,53

## Chính sách nhân sự

Con người là nhân tố quan trọng trong quá trình hoạt động và phát triển của Công ty. Ngoài nhiệm vụ nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty còn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV, cụ thể:

- Công ty đã xây dựng các chương trình đào tạo, phát triển nhân viên ở từng cấp bậc phù hợp với từng vị trí nhằm đảm bảo cung cấp kỹ năng và kiến thức cần thiết để có thể hoàn thành nhiệm vụ.
- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với CBCNV theo quy định của Pháp luật (BHXH, BHYT, BHTN theo tiền lương thực nhận), duy trì các hoạt động tổ chức đoàn thể (Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên). Ngoài ra Công ty còn thực hiện tốt các chính sách liên quan người lao động như Bảo hiểm Tai nạn con người (24/24), khám sức khỏe định kỳ, duy trì trợ cấp nghỉ việc cho các cán bộ hưu trí, nâng lương, thưởng định kỳ các ngày Lễ trong năm; xét thưởng hàng Quý, thưởng thi đua 6 tháng một lần, CBCNV được tham gia các chương trình đào tạo trong và ngoài nước.
- Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho CBCNV.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao rèn luyện sức khỏe của nhân viên được Ban lãnh đạo Công ty khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi thông qua các giải nội bộ, giao hữu và thi đấu bóng đá. Các hoạt động được tổ chức bài bản, giúp nhân viên rèn luyện sức khỏe, tái tạo năng lượng và gắn kết trong công việc.

## 2. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Hoàn thành việc đầu tư mua sắm máy cắt may lồng bao tự động cho nhà máy bao bì theo đúng quy định.

Đầu tư mua sắm máy thổi túi: hủy thầu do nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu, PPC đang tiếp tục thực hiện trong năm 2022.

Triển khai thủ tục mua sắm xe ô tô 7 chỗ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định hiện hành.

## 3. Tình hình tài chính

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

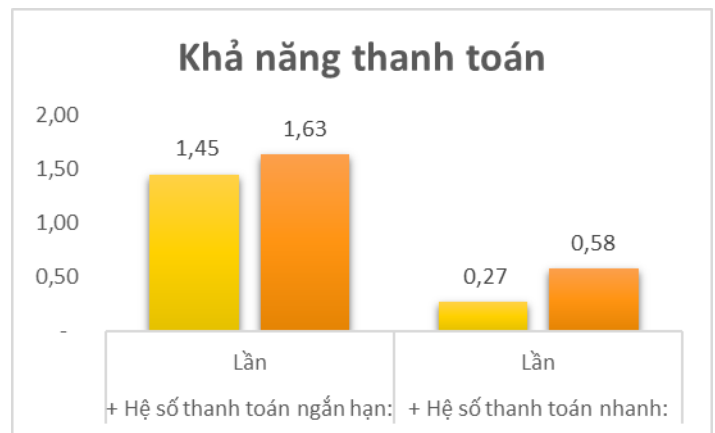
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,45	1,63
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,27	0,58
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,40	0,38
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,66	0,61



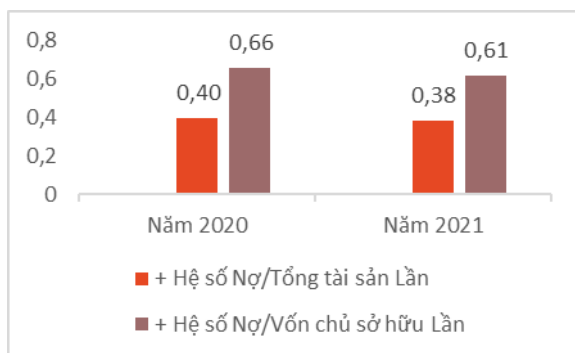
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	5,23	7,45
+ Vòng quay tổng tài sản	Lần	2,30	3,21
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,00%	1,76%
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,98%	9,23%
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,60%	5,64%
+ Tỷ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,61%	2,28%

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty cải thiện đáng kể, tuy nhiên khả năng thanh toán nhanh tăng. Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,27 lần (năm 2020) lên 0,58 lần (năm 2021) do tài sản ngắn hạn tăng từ 51,9 lên 59,04 tỷ và hàng tồn kho giảm từ 41,4 tỷ xuống 38,15 tỷ. Như vậy, các chỉ số cho thấy tình hình tồn kho tối ưu và khả năng thanh toán đảm bảo.



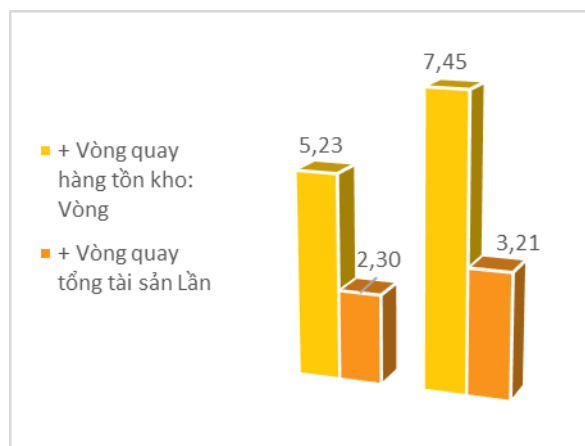
### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Nhìn chung, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty tương đối ổn định, các chỉ tiêu này chỉ giảm nhẹ so với năm 2020. Việc giảm này do năm 2021 PPC đã thanh toán được khoản nợ vay ngân hàng và giảm lượng hàng tồn kho, điều này cho thấy PPC đang dần giảm mức độ phụ thuộc vào các khoản nợ vay để giảm bớt áp lực chi trả lãi vay trong tình hình thị trường không thuận lợi như hiện nay.

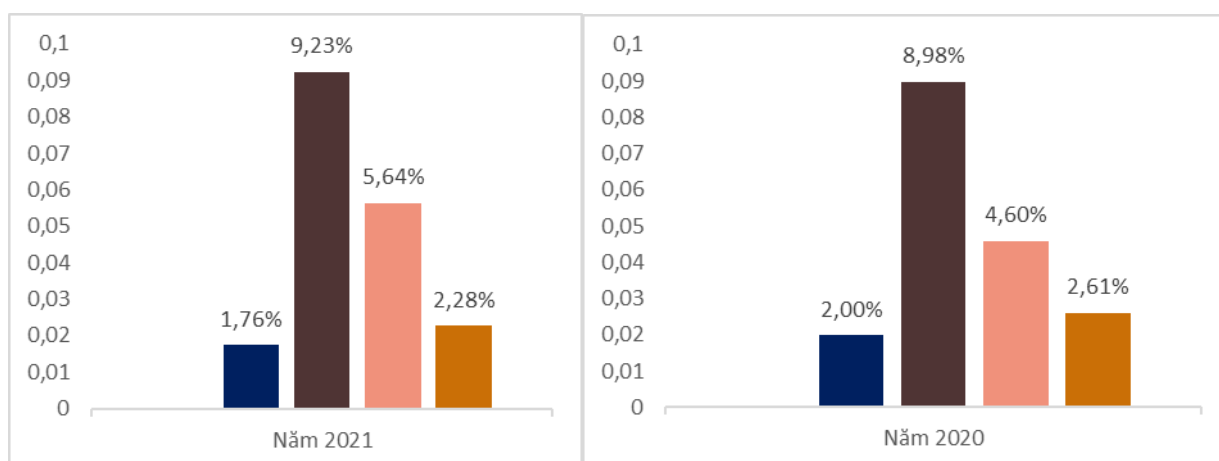
### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Công ty là đơn vị sản xuất kinh doanh bao bì và phân bón nên lượng hàng tồn kho phần lớn là thành phẩm và nguyên vật liệu dùng trong sản xuất. Giá vốn hàng bán năm 2021 tăng hơn 21% so với năm 2020 và hàng tồn kho năm 2021 giảm hơn 10% so với năm 2020 đã làm cho vòng quay hàng tồn kho của PPC tăng từ 5,23 vòng (năm 2020) xuống còn 7,45 vòng (năm 2021). Như vậy, hiệu suất sử dụng vốn ở mức trung bình. Việc duy trì lượng lớn hàng tồn kho bao gồm cả nguyên vật liệu và thành phẩm phần nào sẽ giúp Công ty chủ động hơn trong sản xuất, đáp ứng kịp thời cho khách hàng khi thị trường có sự hồi phục trở lại. Vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ, cho thấy PPC vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối hiệu quả.



### Hệ số khả năng sinh lời

Do tình hình chung của ngành trong năm 2021 không thuận lợi nhưng chỉ tiêu về tỷ suất LNST/VCSH và tỷ suất LNST/Tổng TS tăng cao hơn năm 2020 do PPC đẩy mạnh công tác bán hàng.



## 4. Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Thông tin cổ phiếu tại ngày 31/12/2021

- Vốn điều lệ công ty: 47.995.160.000 đồng
- Tổng cổ phiếu phát hành: 4.799.516 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.799.516 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

## Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/03/2022

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>815</b>	<b>4.795.711</b>	<b>99,92%</b>
-	Tổ chức	5	2.802.405	58,39%
-	Cá nhân	810	1.993.306	41,53%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>5</b>	<b>3.805</b>	<b>0,08%</b>
-	Tổ chức	4	3.705	0,078%
-	Cá nhân	1	100	0,002%
Tổng cộng		<b>820</b>	<b>4.799.516</b>	<b>100,00%</b>

### Tình hình thay đổi vốn điều lệ

Trong năm 2021, PPC không thay đổi vốn điều lệ.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

**Các chứng khoán khác:** Không có.

## 5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Là một Công ty sản xuất thì trong quá trình hoạt động đều có tác động tích cực và tiêu cực đối với môi trường. Do đó, Ban Lãnh đạo Công ty luôn yêu cầu mọi CBCNV phải có ý thức quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý đảm bảo hoạt động sản xuất hiệu quả, vừa tiết kiệm chi phí đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất Bao bì của Công ty, lượng phế phẩm được tái chế sử dụng lại hơn 80%. Với ngành nghề sản xuất bao bì thì việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế góp phần tiết kiệm chi phí đáng kể của Công ty. Để hạn chế lượng phế phẩm mức tối thiểu, Ban lãnh đạo Công ty luôn khuyến khích CBCNV tăng cường sáng tạo cải tiến trong sản xuất, giảm thiểu tối đa lượng phế phẩm trong sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.

### Tiêu thụ năng lượng

Định mức điện: đối với Nhà máy Bao bì định mức tiêu hao điện năng là 01 kWh/kg sản phẩm; đối với Nhà máy Phân bón định mức tiêu hao điện năng là 0,058 kWh/kg. Giá điện: 1.992 đồng/Kwh.

Định mức dầu Do cho Nhà máy Phân bón: 22 lít/tấn.

Lượng tiêu thụ năng lượng chủ yếu của Công ty là năng lượng điện, dầu DO. Là một doanh nghiệp sản xuất thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất lớn. Do đó, Công ty luôn đưa ra các biện pháp tiết kiệm năng lượng tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy.

Ngoài ra, Công ty cũng đưa ra các hành động thiết thực như hưởng ứng giờ trái đất, thực hiện hành động tắt điện khi không sử dụng, tổ chức tập huấn hướng dẫn công nhân viên những kiến thức về nguyên lý hoạt động, công nghệ vận hành, giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm,... Từ đó, góp phần nâng cao kiến thức quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm cho công nhân và cán bộ quản lý, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song song đó, Công ty chú trọng đầu tư các thiết bị mới, duy tu, sửa chữa các thiết bị cũ, hòng giảm thiểu mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu.

## **Tiêu thụ nước**

Nguồn nước Công ty sử dụng được lấy từ 02 nguồn: Nhà máy cấp thoát nước và nguồn nước ngầm, được đầu nối hệ thống cấp thoát nước của Khu công nghiệp nhằm kiểm soát chặt chẽ nguồn nước đảm bảo an toàn môi trường.

## **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Trong năm 2021, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ luật pháp về môi trường là cam kết hàng đầu của Công ty. Bên cạnh đó, áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường là một hướng đi kiên quyết đối với mọi dự án mới triển khai.

Công ty tích cực tham gia hưởng ứng và duy trì các hoạt động bảo vệ môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp”. Thực hành tiết kiệm năng lượng điện, nước,... giảm lượng nước thải, rác thải ra môi trường. Duy trì an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy của Công ty và trong khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **Chính sách liên quan đến người lao động**

### **Chính sách đào tạo**

Công ty luôn đề cao và coi trọng lao động vì đó là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thành công trong các hoạt động của PPC. Chính sách đào tạo của Công ty được thực hiện theo kế hoạch từng phần công việc, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những vị trí cao hơn.

### **Chính sách lương, thưởng**

Xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng công việc, đảm bảo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trong cùng ngành, nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

Thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc của người lao động. Định kỳ hằng năm xét nâng lương, nâng bậc cho những cá nhân có thành tích tốt trong công tác.

Công ty luôn thực hiện khen thưởng cho những cá nhân và tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc các đóng góp mà hội đồng khen thưởng Công ty xét thấy hợp lý.

### **Chính sách phúc lợi, đãi ngộ**

Tất cả CBCNV Công ty đều được đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định. Các chế độ phụ cấp như: độc hại, kiêm nhiệm, chức vụ,... đều được thanh toán đầy đủ kịp thời theo từng kỳ lương.

Công đoàn Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của các CBCNV. Thường xuyên có trợ cấp cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị ốm đau, bệnh tật,... nhằm động viên kịp thời CBCNV và người thân trong gia đình, thể hiện nghĩa tình của Công ty với người lao động.

Định kỳ hằng năm, Công ty đều tổ chức cho toàn thể CBCNV khám sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, tổ chức cho các CBCNV đi du lịch, nghỉ mát,...

## **Trách nhiệm đối với cộng đồng**

Phát triển bền vững không chỉ từ nội tại doanh nghiệp mà còn từ cộng đồng, xã hội. Các hoạt động thiện nguyện không chỉ dừng lại ở xây dựng hình ảnh mà còn là tâm của Ban lãnh đạo Công ty luôn hướng đến cộng đồng, xã hội vì mục tiêu chung ổn định và phát triển.

Bên cạnh đó, Công ty luôn ưu tiên tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương.

Tích cực xây dựng các quỹ từ thiện xã hội nhằm quyên góp cho đồng bào bị lũ lụt thiên tai, hạn hán,...

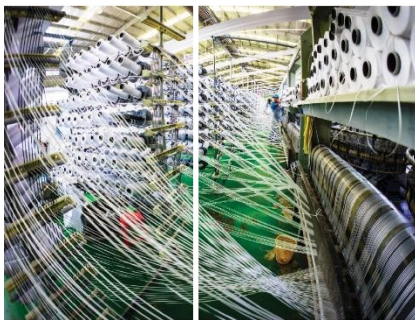
## PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Báo cáo của Ban Giám đốc

Trong năm 2021, những thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, như sau:

#### Thuận lợi:

- PPC ký kết hợp đồng sản xuất phân bón N.Huamte TE với PVCFC, sản phẩm đạt chất lượng.
- PVCFC ưu tiên cung cấp Urea cho PPC để sx phân bón N.Humate.
- PPC lập kế hoạch và phương án phòng, chống đại dịch Covid 19 tốt đảm bảo hoạt động sản xuất, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động.
- Bộ máy và nhân sự PPC đang dần ổn định và phát triển chuyên nghiệp



#### Khó khăn:

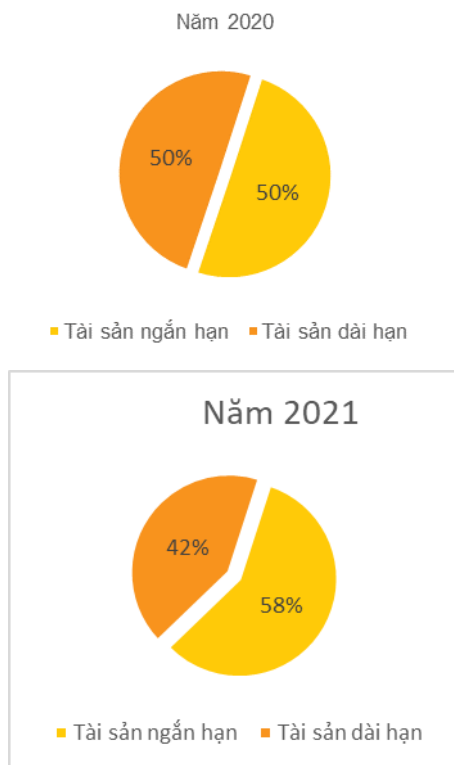
- Diễn biến của đại dịch Covid 19 làm suy thoái nền kinh tế toàn cầu, nhiều hệ lụy trực tiếp ở mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khi các chuỗi giá trị đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng vì sự gián đoạn cung cầu hàng hóa, nguyên vật liệu và giá dầu tăng trở lại, thị trường hạt nhựa khan hiếm ảnh hưởng đến việc mua sắm nguyên vật liệu.
- Chi phí logistic tăng và thời gian vận chuyển kéo dài.
- Phát sinh chi phí chống dịch làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh.
- Còn hạn chế Urea phế phẩm. Sử dụng Urea NPK có giá thành cao. Đồng thời Axit Humic phải nhập khẩu nên giá vốn sp phân bón cao.

### 2. Tình hình tài chính

#### Tình hình tài sản

##### Cơ cấu tổng tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2020	31/12/2021
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	51,94	59,04
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	2,14	17,37
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	6,86	3,08
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	42,44	38,14
Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	0,50	0,45
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	51,57	43,10
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>103,51</b>	<b>102,14</b>

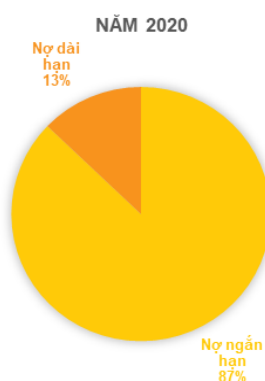


Năm 2021, cơ cấu tài sản của PPC có sự chuyển dịch từ tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn. Tại thời điểm 31/12/2021, tài sản ngắn hạn chiếm 57,80% tổng tài sản của PPC, cao hơn so với con số 50,18% ở thời điểm cuối năm 2020. Tài sản ngắn hạn tăng 7,62% so với cùng kỳ, là do phải thu khách hàng có sự sụt giảm mạnh. Trong năm 2021, nhờ công tác thu hồi nợ đạt hiệu quả tốt, công ty mẹ (PVCFC) thực hiện thanh toán các khoản nợ phải thu cho PPC nên khoản phải thu khách hàng giảm chỉ còn 2,8 tỷ đồng; tạo dòng tiền dồi dào, gia tăng lượng tiền mặt cho Công ty. Tuy nhiên, năm 2021 là một năm khó khăn với ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19 điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất bao bì của PPC, làm cho lượng hàng tồn kho thành phẩm và tồn kho nguyên vật liệu của PPC vẫn cao tuy nhiên đã giảm hơn so với cùng kỳ. Tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2021 chiếm 42,2% tổng tài sản và giảm hơn 7,62%, chủ yếu do trích khấu hao các tài sản cố định làm cho giá trị còn lại của các tài sản này giảm

## Tình hình nguồn vốn

### Cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021
Nợ phải trả	Tỷ đồng	41,11	38,90
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	35,83	36,22
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	5,28	2,68
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	62,40	63,25
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>103,51</b>	<b>102,14</b>



Nợ phải trả của PPC phần lớn là nợ ngắn hạn, chiếm gần 93% tổng nợ phải trả năm 2021. Trong đó, 32,96 tỷ đồng (chiếm 91% nợ ngắn hạn) là nợ mà PPC chiếm dụng từ nhà cung cấp, từ người lao động và các khoản chiếm dụng khác; phần còn lại khoảng 3,27 tỷ đồng (chiếm 9% nợ ngắn hạn) là nợ vay ngắn hạn. Nợ dài hạn chiếm 7% tổng nợ, hoàn toàn là nợ vay ngân hàng để phục vụ cho mục đích đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Công ty. Nợ vay dài hạn giảm dần qua các năm do Công ty đã đảm bảo được dòng tiền hoạt động kinh doanh để thực hiện trả các khoản lãi và gốc vay, giúp giảm áp lực lãi vay cho Công ty. Tính đến hết ngày 31/12/2021, phần nợ vay phải chịu lãi của PPC (cả ngắn hạn và dài hạn) chỉ còn 5,94 tỷ đồng, giảm 35,96% so với cùng kỳ 2020. Vốn chủ sở hữu có xu hướng tăng nhẹ và ở mức 63,25 tỷ đồng năm 2021, chiếm tỷ trọng 61,92% tổng nguồn vốn

### 3. Kế hoạch phát triển tương lai

Vận hành an toàn, ổn định Nhà máy Bao bì đảm bảo chất lượng sản phẩm và đạt công suất tối thiểu 100% và Nhà máy Phân bón đạt công suất tối thiểu 13.000 tấn/năm, trong đó thực hiện gia công 13.000 tấn;

Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường bao bì và phân bón. Chủ động đa dạng hoá các sản phẩm bao bì và phân bón, tăng cường thực hiện công tác truyền thông, giới thiệu sản phẩm;

Tăng cường phát triển kinh doanh sản phẩm bao bì ra thị trường khách hàng bên ngoài, chủ động tìm kiếm đối tác thực hiện sản xuất gia công phân bón;

Đảm bảo năng lực sản xuất để cung cấp sản phẩm bao bì có chất lượng cao cho PVCFC và nâng cao tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm bao bì ra thị trường bên ngoài tối thiểu 25% tổng sản lượng sản phẩm do đơn vị sản xuất ra;

Thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, cải tiến máy móc, thiết bị của 02 Nhà máy bao bì và phân bón bảo đảm hiệu quả, an toàn, chất lượng, đúng tiến độ và tiết kiệm chi phí;

Nghiên cứu và triển khai phương án thoái vốn của PVCFC tại PPC;

Thực hiện chương trình phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty giao.

#### Kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể năm 2022

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	KH 2022/TH 2021
<b>Sản lượng sản xuất</b>				
<b>Bao bì</b>	Triệu bao	25,89	25,30	98%
<b>Phân bón</b>	Nghìn tấn	6,42	11,00	171%
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>				
<b>Bao bì</b>	Triệu bao	25,43	25,30	100%
<b>Phân bón</b>	Nghìn tấn	9,73	16,00	164%
<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>330,00</b>	<b>347,53</b>	105%
Bao bì	Tỷ đồng	234,11	217,56	93%
Phân bón	Tỷ đồng	95,87	129,97	136%
Doanh thu tài chính		0,03		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	<b>7,53</b>	<b>8,28</b>	110%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tỷ đồng	<b>5,80</b>	<b>6,62</b>	114%
<b>Tỷ lệ chia cổ tức</b>	%		<b>8,5</b>	

#### Các giải pháp thực hiện

##### - Về công tác sản xuất:

- Hoàn thiện định mức tiêu chuẩn kỹ thuật tăng cường công tác kiểm soát chặt chẽ chi phí để giảm giá thành tăng lợi thế cạnh tranh.
- Kiểm soát tốt các chi phí sản xuất, hao hụt nhằm giảm giá thành tăng lợi thế cạnh tranh.
- Phát huy các sáng kiến, cải tiến nhằm nâng cao công tác quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm.



- **Về công tác kinh doanh:**

- Về Bao bì: PPC tăng cường tìm kiếm và phát triển kinh doanh B2B đối với 01 hoặc 02 khách hàng chiến lược. Đồng thời có các chính sách chăm sóc khách hàng hiện hữu và phát triển dữ liệu khách hàng bên ngoài tiềm năng.

- Về Phân bón: đảm bảo chất lượng và thời gian giao hàng đúng kế hoạch của PVCFC.

- **Công tác kế toán:** PPC thực hiện xây dựng hoàn thiện và theo dõi hàng tháng chặt chẽ các báo cáo về quản trị giá thành, chi phí quản lý, chi phí tài chính chi phí sản xuất, chi phí theo từng đơn đặt hàng, kiểm soát được dòng tiền, nguồn hàng làm tăng khả năng quay vòng vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu và theo tiêu chuẩn Quốc tế.

- **Công tác nhân sự:** PPC tiếp tục phát huy các chương trình đào tạo nội bộ và thực hiện các chương trình đào tạo bên ngoài mục đích nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động. Phát huy hơn nữa vai trò, sức mạnh của Đảng, đoàn thể trong việc tập hợp phát huy sức mạnh đoàn kết trong sản xuất kinh doanh và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Nâng cao vai trò xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thoải mái để Người lao động gắn bó và làm việc một cách hiệu quả nhất.

#### **4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2021 của Công Ty Cổ Phần Bao bì Dầu khí Việt Nam, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



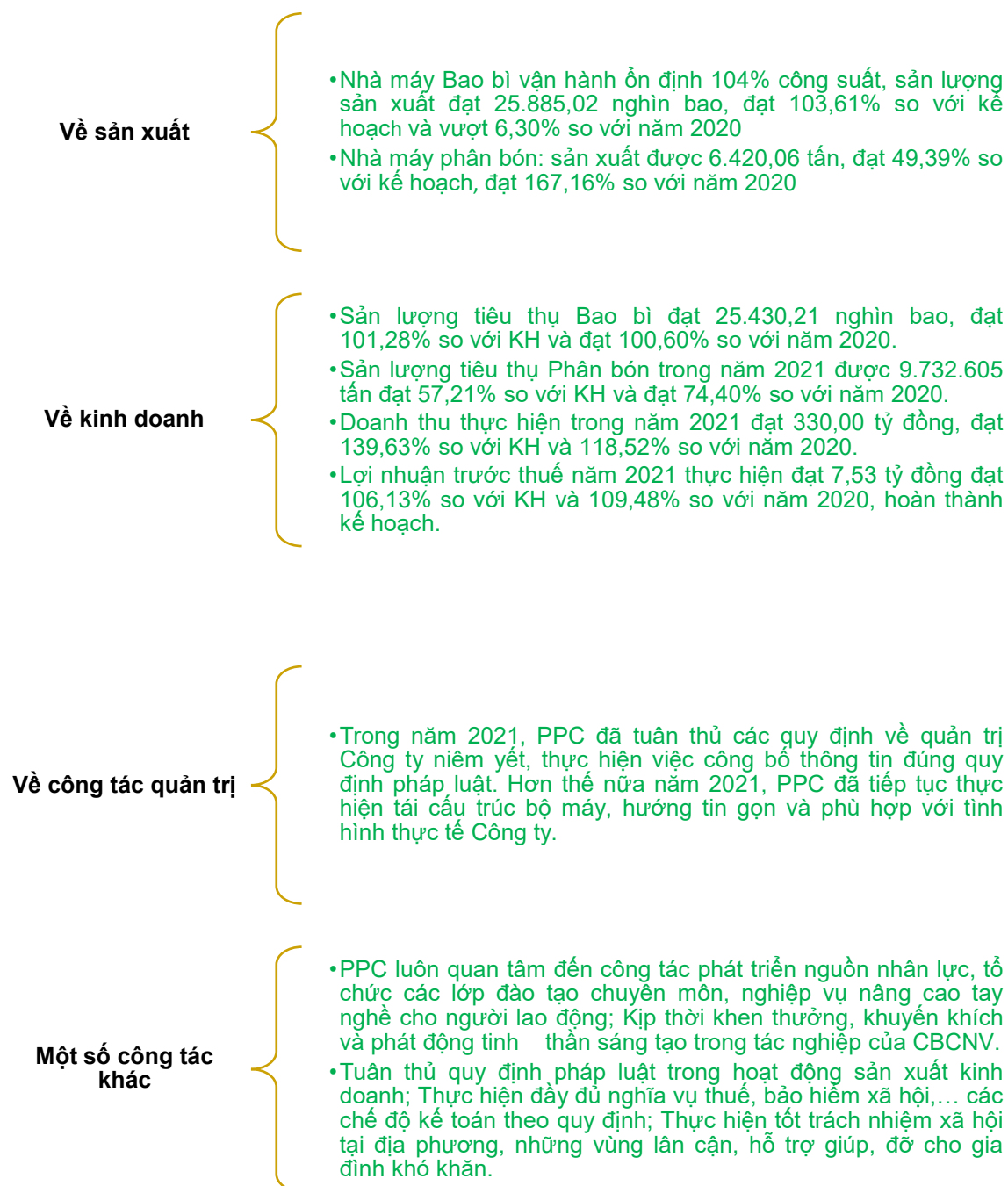
## PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty năm 2021

#### Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2021

Năm 2021, kinh tế thế giới, trong nước chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, bất ổn chính trị tại một số quốc gia trên thế giới, giá dầu thô tăng mạnh, ... nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, suy giảm.

Với những yếu tố khách quan trên, tình hình triển khai kế hoạch SXKD của PPC trong năm 2021 đối mặt nhiều khó khăn thách thức trong việc hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021, kết quả SXKD năm 2021 của PPC như sau:



## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm 2021, Ban Giám đốc đã có những thành tích tích cực trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc phối hợp hoạt động dựa trên nguyên tắc linh động, nhịp nhàng, đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông. Mỗi quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty.

Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật, các quy định hiện hành và Điều lệ Công ty; nỗ lực triển khai hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Mặc dù, trong năm 2021 có nhiều khó khăn nhưng Ban Giám đốc đã nỗ lực cố gắng, chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch 2021 đề ra.
- Đảm bảo Công ty hoạt động và thu nhập đời sống người lao động trong tình hình đại dịch Covid – 19 diễn biến phức tạp không đứt gãy nguồn hàng cung ứng cho PVCFC theo đúng tiến độ giao hàng đã cam kết.
- Xây dựng phương thức lập kế hoạch, kiểm soát chi phí theo từng cost center giúp việc kiểm soát chi phí được chặt chẽ và hiệu quả.
- Duy trì và đảm bảo mức cổ tức cho cổ đông hàng năm ổn định.
- Tái cấu trúc Công ty theo hướng tinh gọn.

### Bên cạnh đó còn một số điểm hạn chế

- Nhà máy bao bì và phân bón còn nhiều công đoạn thủ công, chưa tối ưu về nhân lực và năng suất làm việc.
- Đội ngũ nhân sự kỹ thuật chưa đáp ứng theo yêu cầu, do vị trí địa lý xa xôi nên khó thu hút nhân sự có trình độ, kinh nghiệm tốt.
- Do tình hình cạnh tranh bên ngoài gay gắt dẫn đến thị phần bao bì sản xuất cho các khách hàng bên ngoài còn hạn chế, chưa có được các khách hàng lớn với sản lượng cao và ổn định.

### Kế hoạch năm 2022

#### Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022
<b>Sản lượng sản xuất</b>		
Bao bì	Triệu bao	25,30
Phân bón	Nghìn tấn	11,00
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>		
Bao bì	Triệu bao	25,30
Phân bón	Nghìn tấn	16,00
<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>347,53</b>
Bao bì	Tỷ đồng	217,56
Phân bón	Tỷ đồng	129,97
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>8,28</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>6,62</b>
<b>Tỷ lệ chia cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>8,5</b>

### **Về chiến lược kinh doanh**

- Tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện chiến lược phát triển của Công ty cho phù hợp với thực tế.
- Giám sát thực hiện kế hoạch 2022 đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm bao bì, phân bón nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
- Tập trung nghiên cứu, cải tiến, áp dụng các công nghệ tiên tiến để vận hành hiệu quả Nhà máy Phân bón Dầu khí Bạc Liêu đảm bảo đưa ra thị trường sản phẩm tốt nhất.
- Tăng cường công tác truyền thông, đẩy mạnh bán hàng bao bì và sản phẩm phân bón, tìm kiếm những thị trường mới

### **Về công tác quản trị**

- Tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị Công ty đối với Công ty niêm yết.
- Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công cụ tiên tiến, hiện đại để quản trị hiệu quả các nguồn lực của Công ty.
- Chú trọng trong công tác xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, tăng cường nghiên cứu thu thập thông tin thị trường, kênh phân phối để xây dựng chiến lược tự kinh doanh phân phối phân bón.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho vai trò quản lý và chuyên môn để tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng định hướng phát triển của Công ty.
- Kiểm soát tốt các bộ định mức kinh tế kỹ thuật vận hành và khai thác tại Nhà máy; quản trị chặt chẽ chi phí, giá thành sản phẩm đảm bảo theo các bộ định mức kinh tế kỹ thuật và cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại.

### **Về công tác khác**

- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành nhà máy an toàn, ổn định; thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa an toàn, đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết kiệm chi phí.
- Chỉ đạo thực hiện công tác đầu tư mua sắm đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra và tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.
- Chỉ đạo công tác kinh doanh cả 02 lĩnh vực sản phẩm bao bì và phân bón đảm bảo hiệu quả tốt nhất, đồng thời giữ vững và nâng cao thương hiệu, giá trị sản phẩm. Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

## **Định hướng giai đoạn 2021-2025**

### **Lĩnh vực bao bì**

- Tập trung toàn bộ nguồn lực đáp ứng tất cả nhu cầu đóng gói của Đạm Cà Mau, đồng thời đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm để bảo vệ thương hiệu PVCFC. Tăng tỷ trọng Bao bì cung cấp cho khách hàng bên ngoài, xúc tiến xuất khẩu bao bì sang các nước khác như: Lào, Campuchia,... đảm bảo duy trì sản lượng bao bì đạt 30 triệu bao/năm

### **Lĩnh vực phân bón**

- Duy trì sản xuất các sản phẩm phân bón N. Humate, NPK, NPK Humic.
- Là đơn vị gia công sản phẩm thử nghiệm phân bón mới của PVCFC và gia công cho các đối tác bên ngoài nhằm đảm bảo nhà máy sản xuất đạt công suất tối đa.

### **• Sản xuất - thị trường**

- Nâng cao trình độ tay nghề và kỹ thuật vận hành máy móc;
- Áp dụng triệt để chương trình 5S và Kaizen để loại bỏ lãng phí, tăng hiệu quả sản xuất;
- Không ngừng cải tiến, nghiên cứu công nghệ mới nhằm nâng cao công suất tối đa của máy móc;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt phân khúc bao bì chất lượng cao;
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phục vụ tốt nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước;
- Dẫn đầu về chất lượng, giá thành sản phẩm;
- Dịch vụ chăm sóc khách hàng nhiệt tình, thân thiện và chu đáo;
- Thiện chí trong liên kết, hợp tác với khách hàng và đối tác;
- Không ngừng học hỏi, tìm kiếm cơ hội phát triển kinh doanh;
- Xây dựng và giữ vững phương châm: “Uy tín - Chất lượng - An toàn - Hiệu quả”;
- Có chính sách bán hàng tốt nhằm xây dựng, định vị thương hiệu trên thị trường. Ngoài ra, đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu, sản phẩm và năng lực đến rộng rãi các đối tượng khách hàng tiềm năng thông qua các phương tiện truyền thông, internet,...

## PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên HĐQT
01	Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT từ 21/06/2018 Chủ tịch HĐQT từ 22/11/2019
02	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT từ ngày 21/06/2018
03	Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên HĐQT độc lập tái bổ nhiệm ngày 24/06/2020
04	Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ 22/11/2019
05	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ 22/11/2019

#### Sơ yếu lý lịch của các Thành viên Hội đồng quản trị

**ÔNG NGUYỄN ĐỨC THUẬN – CHỦ TỊCH HĐQT**

Năm sinh: 08/03/1974

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Vận tải thủy bộ
Quá trình công tác	
Từ 01/1998 đến 09/1999	Công tác tại Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí
Từ 09/1999 đến 05/2002	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật tại Ban quản lý dự án nhà số 1 và 5 Lê Duẩn thuộc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
Từ 05/2002 đến 08/2007	Chuyên viên Kỹ thuật cho Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 08/2007 đến 06/2014	Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần bất động sản Dầu khí
Từ 07/2014 đến 21/11/2019	Phó chánh Văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 21/06/2018 đến 21/11/2019	Thành viên HĐQT CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 22/11/2019 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN – THÀNH VIÊN HĐQT**

Năm sinh: 13/08/1975

**Thông tin đã thể hiện ở phần II sơ yếu lý lịch của Ban điều hành.**

**ÔNG TRẦN THIÊN HỒNG – THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP**

Năm sinh: 04/03/1951

Quá trình công tác	
Từ 1975 đến 1985	Công tác tại Hợp tác xã xây dựng Bình Minh
Từ 1985 đến nay	Kinh doanh buôn bán đồ gỗ tại gia
Từ 04/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**ÔNG ĐÌNH NHẬT DƯƠNG - THÀNH VIÊN HĐQT**

Năm sinh: 08/07/1980

Trình độ chuyên môn	Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 09/2005 đến 09/2006	Trợ lý Kiểm toán tại Công ty Hợp danh Kiểm toán SGN
Từ 12/2006 đến 04/2010	Trợ lý Kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán Bắc Đẩu
Từ 04/2010 đến 01/2011	Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán Bắc Đẩu
Từ 02/2011 đến 05/2011	Phó Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng DKVN (PVEIC)
Từ 05/2011 đến 10/2013	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Thẩm định giá EIC Việt Nam
Từ 04/2014 đến 05/2015	Giám đốc tại Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Dương Minh
Từ 07/2015 đến 11/2016	Chuyên viên Ban Tài chính tại Kế toán tại CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 11/2016 đến 11/2020	Trưởng Phòng Kế toán, Ban Tài chính tại Kế toán CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 12/2020 đến nay	Kiểm toán viên nội bộ tại Ban Kiểm toán nội bộ CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 22/11/2019 đến nay	Thành viên HĐQT tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**BÀ TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH - THÀNH VIÊN HĐQT**

Năm sinh: 18/08/1979

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Từ 11/2001 đến 08/2005	Thư ký HACCP, Chuyên viên tại Xí nghiệp 2 – CTCP Chế biến và Xuất nhập khẩu Cà Mau
Từ 09/2005 đến 08/2008	Chuyên viên Phòng Kinh doanh tại CTCP Chế biến và Xuất nhập khẩu Cà Mau

Từ 09/2008 đến 01/2010	Chuyên viên Phòng Kinh tế kế hoạch tại Ban quản lý dự án Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 02/2010 đến 01/2011	Phó trưởng Phòng Kế hoạch đầu tư tại Ban quản lý dự án Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 08/2012 đến 10/2014	Phó trưởng Ban Kế hoạch chiến lược (nay là Ban Kế hoạch – Đầu tư) tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau)
Từ 10/2014 đến 01/2015	Phó trưởng Ban Kế hoạch chiến lược (nay là Ban Kế hoạch – Đầu tư) tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau) Thành viên HĐQT tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 02/2015 đến 06/2018	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau Thành viên HĐQT tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2018 đến nay	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 22/11/2019 đến nay	Thành viên HĐQT tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của Hội đồng quản trị được phân công cho các thành viên thẩm tra một số nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để ra quyết định. Đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

### Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong khoảng thời gian từ 01/01/2021 đến 31/12/2021, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	04/04	
02	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	04/04	
03	Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT độc lập	04/04	
04	Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên HĐQT	04/04	
05	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	04/04	

### Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-PPC-HĐ	20/01/2021	Về việc Hợp HĐQT định kỳ
02	02/NQ-PPC-HĐ	21/01/2021	Về việc kế hoạch SXKD năm 2021
03	03/NQ-PPC-HĐ	01/3/2021	Về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
04	04/NQ-PPC-HĐ	08/4/2021	Về việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2020
05	05/NQ-PPC-HĐ	14/4/2021	Về việc Hợp HĐQT định kỳ
06	06/NQ-PPC-HĐ	08/6/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lao động, tiền lương và thù lao năm 2021
07	07/NQ-PPC-HĐ	17/6/2021	Về việc chi trả cổ tức năm 2020
08	08/NQ-PPC-HĐ	16/07/2021	Hợp HĐQT quý II.2021
09	09/NQ-PPC-HĐ	18/8/2021	Về việc ký hợp đồng mua bán bao bì giữa PPC và PVCFC
10	10/NQ-PPC-HĐ	20/10/2021	Hợp HĐQT quý III.2021
11	01/QĐ-PPC-HĐ	22/01/2021	Về việc nâng bậc lương cán bộ
12	02/QĐ-PPC-HĐ	25/01/2021	Về việc ban hành Quy chế trả lương trả thưởng, thù lao Ban Quản lý điều hành PPC
13	03/QĐ-PPC-HĐ	01/02/2021	Về việc sửa đổi, bổ sung chức năng nhiệm vụ của Phòng/ đơn vị Công ty
14	04/QĐ-PPC-HĐ	14/4/2021	Về việc ban hành Quy chế đào tạo Công ty
15	05/QĐ-PPC-HĐ	23/11/2021	Quy chế trả lương, trả thưởng PPC
16	06/QĐ-PPC-HĐ	23/11/2021	Về việc nâng lương cán bộ
17	07/QĐ-PPC-HĐ	29/12/2021	Về việc ban hành Bộ định mức KTKT

### Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

Căn cứ Điều lệ hoạt động và Quy chế, quy định của Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các nhiệm vụ được giao.

Việc giám sát được thực hiện thông qua các báo cáo của Giám đốc tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp giao ban của Ban điều hành. Ngoài ra, Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, làm việc với Ban điều hành về các vấn đề liên quan trong việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển Công ty.

## 2. Ban kiểm soát

### Danh sách Thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Kiểm soát viên
01	Ông Vũ Chí Dương	Trưởng BKS	Thành viên BKS từ 14/04/2016–20/06/2018 Tái bổ nhiệm Trưởng BKS ngày 22/04/2021 Trưởng BKS từ 21/06/2018 – nay
02	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	Trưởng BKS từ 14/04/2016–20/06/2018 Tái bổ nhiệm thành viên BKS ngày 22/04/2021 Thành viên BKS từ 21/06/2018 – nay
03	Bà Nguyễn Hoài Phương	Kiểm soát viên	Thành viên BKS từ 24/06/2020



## Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban kiểm soát

**ÔNG VŨ CHÍ DƯƠNG – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Năm sinh: 23/04/1974

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Kế toán- Kiểm toán, Cử nhân Luật
Quá trình công tác	
Từ 03/2001 đến 01/2004	Chuyên viên Pháp chế tại CTCP Nhiệt điện Bà Rịa
Từ 02/2004 đến 11/2007	Chuyên viên Kinh tế Hợp đồng tại Ban quản lý cụm dự án Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 12/2007 đến 12/2008	Chuyên viên Tín dụng doanh nghiệp tại CTCP Tài chính Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu
Từ 12/2008 đến 08/2009	Chuyên viên Kế toán phụ trách chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí
Từ 09/2009 đến 11/2011	Tổ trưởng Kế toán thanh toán & thương mại tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ - CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí
Từ 12/2011 đến 06/2015	Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Từ 07/2015 đến 07/2017	Tổ trưởng Kiểm tra Tuân thủ kiêm phụ trách Tổ Quản lý rủi ro - Ban Kiểm soát nội bộ tại CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 08/2017 đến 06/2018	Kiểm soát viên (kiêm nhiệm) CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2018 đến 11/2020	Trưởng phòng Quản lý rủi ro, Ban Kiểm soát nội bộ tại CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 12/2020 đến nay	Kiểm toán viên nội bộ - Ban Kiểm toán nội bộ CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 06/2018 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**BÀ NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG – KIỂM SOÁT VIÊN**

Năm sinh: 10/12/1982

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 07/2012 đến 04/2016	Kế toán vật tư, bán hàng kiêm thủ quỹ tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 04/2016 đến 05/2018	Trưởng Ban kiểm soát tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 09/2018 đến nay	Phó Phòng Kinh doanh Kiểm soát viên tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu



Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 03/2007 đến 12/2007	Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Xây Dựng Phát Triển Nhà Bạc Liêu
Từ 12/2007 đến 10/2008	Giao dịch viên tại Ngân hàng TMCP Nam Việt CN Bạc Liêu
Từ 10/2008 đến 05/2009	Kiểm Soát Viên tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 05/2009 đến 03/2014	Phó Trưởng phòng Kế Toán Ngân Quỹ phụ trách Phòng Kế toán Ngân quỹ tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 03/2014 tháng 12/2014	Phó phòng Kế toán và Ngân quỹ tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 12/2014 đến 12/2015	Phó phòng Dịch Vụ Nội Bộ & Giao Dịch kiêm phụ trách Kế Toán tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 12/2015 đến 02/2017	Phó phòng Dịch Vụ Nội Bộ & Giao Dịch tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 03/2017 đến 09/2018	Kế Toán kiêm Quản Lý Trung Tâm tại Trung Tâm Kế Toán Dịch Vụ Thuế
Từ 10/2018 đến 12/2018	Phó Trưởng phòng phụ trách Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 01/2019 đến 05/2019	Phó Trưởng phòng Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 05/2019 đến 07/2019	Trưởng phòng giao dịch tại Phòng Giao dịch Hòa Bình Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 08/2019 đến 04/2020	Phó Trưởng phòng Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 04/2020 - nay	Chuyên viên kế hoạch tại Cty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2020 - nay	Kiểm soát viên tại Cty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**Các cuộc họp trong năm**

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Vũ Chí Dương	Trưởng Ban kiểm soát	4/4	
02	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	4/4	
03	Bà Nguyễn Hoài Phương	Kiểm soát viên	4/4	

**Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành**

Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, xem xét các báo cáo tài chính của Công ty và thực hiện việc giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành, luôn đặt lợi ích Công ty lên hàng đầu, tập trung xây dựng và phát triển Công ty.
- Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh

nghiệp. Các Nghị quyết/Quyết định, chỉ thị của PVCFC, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đều được Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kịp thời.

- Kiểm tra báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính bán niên và kiểm tra báo cáo tài chính kiểm toán năm của Công ty trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. Công ty đã lập báo cáo tài chính đúng thời hạn và phù hợp với Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn được ưu tiên hàng đầu. Về cơ bản, các quy chế, quy trình, quy định đều phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, tình hình hoạt động của Công ty và được cán bộ, nhân viên thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Công ty đang tiếp tục rà soát, bổ sung và sửa đổi các quy chế, quy định phục vụ công tác quản lý, điều hành.
- Các quyết định, chỉ thị của Giám đốc đều được ban hành đúng thẩm quyền, hợp pháp và kịp thời nhằm điều hành tốt hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán theo quy định của pháp luật.
- Năm 2021 Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi và thảo luận với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty;
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Trưởng Ban kiểm soát tham gia để đánh giá tình hình thực hiện định hướng, chiến lược và thiết lập các định hướng, đề ra giải pháp chiến lược theo tình hình mới làm cơ sở triển khai thực hiện.
- Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các tài liệu họp Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát xem xét và đóng góp ý kiến. Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- Các biên bản họp của Hội đồng quản trị đều được gửi tới Ban kiểm soát để cập nhật và đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời.
- Ngoài việc kiểm tra giám sát, trong quá trình soạn thảo, ban hành các quy chế, quy định, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát với chuyên môn của mình đã tham gia tư vấn, góp ý để hoàn thiện hơn, phù hợp với tình hình thực tế.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành

#### Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát

ĐVT: đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao	Thưởng, phúc lợi khác	Ghi chú
<b>I Hội đồng quản trị</b>					
1	Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	580.935.774	74.411.435	
2	Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	114.999.070	-	
3	Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT	114.999.070	-	
4	Đinh Nhật Dương	Thành viên HĐQT	114.999.070	-	
<b>II Ban kiểm soát</b>					
1	Vũ Chí Dương	Trưởng BKS	91.322.790	-	
2	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	72.720.000	-	
3	Nguyễn Hoài Phương	Kiểm soát viên	72.720.000	-	
<b>III Ban điều hành</b>					
1	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	633.748.117	81.174.035	
2	Nguyễn Thanh Nhuận	Phó giám đốc	422.498.745	45.097.049	
3	Trịnh Tiến Sỹ	Phó giám đốc	380.322.221	40.595.173	
4	Lê Cảnh Khánh	Kế toán trưởng	407.095.143	34.762.308	

#### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2021, Công ty có thực hiện giao dịch mua bán sản phẩm Bao bì và Phân bón với Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau là công ty mẹ - Cổ đông lớn (chiếm 51,03% vốn điều lệ Công ty).

#### Đào tạo về quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.

## **PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH** *(như đính kèm)*

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC).

**GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN TRUNG KIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

MSR

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 1900437757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 12 tháng 8 năm 2019.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch
Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên
Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên
Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Vũ Chí Dương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Thành viên
Bà Nguyễn Hoài Phương	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Tiến Sỹ	Phó Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc
-----------------------	----------

#### Trụ sở chính

Lô A 1-3, Khu Công nghiệp Trà Kha, Phường 8  
Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

### **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **PHE CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 35. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc

Tỉnh Bạc Liêu, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 14 tháng 3 năm 2022



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021, và được Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn ngày 14 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 25 tháng 2 năm 2021.

**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**



Lương Thị Ánh Tuyết  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3048-2019-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Trần Từ Mai Anh  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3546-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM11541  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2022



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>59.039.032.850</b>	<b>51.940.089.947</b>
<b>110</b>	<b>Tiền</b>		<b>17.373.620.128</b>	<b>2.144.463.117</b>
111	Tiền	3	17.373.620.128	2.144.463.117
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.076.893.588</b>	<b>6.855.515.936</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.834.345.754	6.700.397.426
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	234.050.000	294.992.000
136	Phải thu ngắn hạn khác		37.000.000	1.120.000
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(28.502.166)	(140.993.490)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	7	<b>38.142.482.716</b>	<b>42.441.421.670</b>
141	Hàng tồn kho		38.142.482.716	42.737.008.627
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(295.586.957)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>446.036.418</b>	<b>498.689.224</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	446.036.418	498.689.224
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>43.104.480.784</b>	<b>51.569.022.897</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>40.651.805.884</b>	<b>48.865.685.510</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9	40.651.805.884	48.865.685.510
222	Nguyên giá		121.157.296.784	119.741.478.601
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(80.505.490.900)	(70.875.793.091)
227	Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		380.000.000	380.000.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(380.000.000)	(380.000.000)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>73.545.455</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	73.545.455
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.449.674.900</b>	<b>2.626.791.932</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	2.449.674.900	2.626.791.932
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>102.143.513.634</b>	<b>103.509.112.844</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>38.896.327.438</b>	<b>41.111.497.330</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>36.219.983.906</b>	<b>35.834.256.048</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	10	22.860.626.270	19.249.387.280
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.322.158	3.322.158
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	609.456.353	2.867.582.649
314	Phải trả người lao động	12	8.486.448.116	6.285.510.037
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		219.081.304	961.855.003
319	Phải trả ngắn hạn khác	13	282.961.880	2.183.444.965
320	Vay ngắn hạn	14(a)	3.261.497.750	3.994.679.386
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	496.590.075	288.474.570
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>2.676.343.532</b>	<b>5.277.241.282</b>
338	Vay dài hạn	14(b)	2.676.343.532	5.277.241.282
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>63.247.186.196</b>	<b>62.397.615.514</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>63.247.186.196</b>	<b>62.397.615.514</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16, 17	47.995.160.000	47.995.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		47.995.160.000	47.995.160.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	17	9.338.857.287	8.670.668.883
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	5.913.168.909	5.731.786.631
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		112.709.922	163.549.928
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		5.800.458.987	5.568.236.703
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>102.143.513.634</b>	<b>103.509.112.844</b>

Trịnh Thanh Trúc  
Người lập

Lê Cảnh Khánh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc  
Ngày 14 tháng 3 năm 2022





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021	2020
		VND	VND
01	Doanh thu bán hàng	329.986.168.593	279.702.835.769
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.827.568)	(1.300.486.150)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	329.974.341.025	278.402.349.619
11	Giá vốn hàng bán	(300.241.940.967)	(248.137.101.379)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	29.732.400.058	30.265.248.240
21	Doanh thu hoạt động tài chính	28.928.677	35.319.999
22	Chi phí tài chính	(603.315.126)	(1.574.209.440)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(599.005.366)	(1.490.926.058)
25	Chi phí bán hàng	(7.220.588.958)	(9.375.439.261)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(14.405.103.333)	(12.082.319.488)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.532.321.318	7.268.600.050
32	Chi phí khác	(3.483.013)	(391.491.920)
40	Lỗ khác	(3.483.013)	(391.491.920)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.528.838.305	6.877.108.130
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(1.728.379.318)	(1.308.871.427)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.800.458.987	5.568.236.703
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.027	929
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.027	929

Trịnh Thanh Trúc  
Người lập

Lê Cảnh Khánh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc  
Ngày 14 tháng 3 năm 2022



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.528.838.305</b>	<b>6.877.108.130</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	9.629.697.809	10.419.330.629
03	Các khoản (hoàn nhập)/dự phòng	(408.078.281)	232.586.753
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.943.430	(5.504.615)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(27.569.892)	-
06	Chi phí lãi vay	599.005.366	1.490.926.058
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>17.323.836.737</b>	<b>19.014.446.955</b>
09	Giảm các khoản phải thu	3.891.113.672	10.880.105.464
10	Giảm hàng tồn kho	4.594.525.911	9.749.452.484
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	1.718.773.184	(16.441.300.876)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	229.769.838	(200.286.448)
14	Tiền lãi vay đã trả	(605.279.389)	(1.514.846.770)
	Thuế TNDN đã nộp	(2.596.811.764)	(702.071.122)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(903.160.000)	(1.896.514.817)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>23.652.768.189</b>	<b>18.888.984.870</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm TSCĐ	(1.275.545.454)	(510.696.593)
27	Thu lãi tiền gửi	27.569.892	-
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(1.247.975.562)</b>	<b>(510.696.593)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	660.600.000	32.726.124.827
34	Chi trả nợ gốc vay	(3.994.679.386)	(51.811.303.374)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(3.839.612.800)	(3.839.612.800)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(7.173.692.186)</b>	<b>(22.924.791.347)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>15.231.100.441</b>	<b>(4.546.503.070)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>	<b>2.144.463.117</b>	<b>6.690.966.187</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.943.430)	-
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>17.373.620.128</b>	<b>2.144.463.117</b>

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 28.

Trịnh Thanh Trúc  
Người lập

Lê Cảnh Khánh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc  
Ngày 14 tháng 3 năm 2022



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 12 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp, vốn điều lệ vào ngày thành lập Công ty là 25.000.000.000 Đồng với sự tham gia góp vốn của ba cổ đông chính là: Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PetroSetco) (51%), Tổng Công ty Phân bón Hóa chất Dầu khí (PVCFCCo) (19%) và Công ty TNHH Trang Hoàng Mỹ (30%).

Tháng 10 năm 2012, Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí tại Công ty.

Ngày 27 tháng 12 năm 2012, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 thay đổi lần thứ 3 cho mục đích tăng vốn điều lệ lên 32.650.000.000 Đồng.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PBP kể từ ngày 27 tháng 1 năm 2015 theo Thông báo số 28/QĐ-SGDHN ngày 20 tháng 1 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bao bì PP/PE và phân bón.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 219 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 212 người).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa; và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Hàng tồn kho mượn về dùng để phục vụ cho việc sản xuất được ghi nhận theo giá gốc.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

**2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”)**

*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản chủ yếu như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.12 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí lãi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.12 Vay (tiếp theo)**

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí lãi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.13 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.14 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.15 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán trên cơ sở danh sách cổ đông nhận cổ tức được chốt sau khi phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các nhà cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu doanh nghiệp.

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các nhà cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để khen thưởng và các khoản chi khác cho nhân viên.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.16 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm và hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.17 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm và hàng hóa xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.20 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm.

**2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**2.22 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi Công ty có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.23 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.24 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

**2.25 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính là:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.8, 9).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**3 TIỀN**

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	92.176.931	13.010.619
Tiền gửi ngân hàng	17.281.443.197	2.131.452.498
	<u>17.373.620.128</u>	<u>2.144.463.117</u>

**4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Vitracó Green Nature	499.623.022	542.277.800
Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	276.083.280	-
Công ty Cổ phần Grow FA	-	576.176.265
Khác	112.330.020	602.021.890
	<u>888.036.322</u>	<u>1.720.475.955</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	1.946.309.432	4.979.921.471
	<u>2.834.345.754</u>	<u>6.700.397.426</u>

**4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 40.717.380 Đồng và 281.986.980 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 6.

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Kỹ thuật Đăng Hưng	99.000.000	75.900.000
Công ty TNHH Vận tải Hoàng Quốc Huy	89.100.000	89.100.000
Khác	45.950.000	129.992.000
	<u>234.050.000</u>	<u>294.992.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**Mẫu số B 09 – DN**

**6 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	2021			Thời gian quá hạn Ngày
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Công ty TNHH Nông sản và Thủy sản Hoàng Khoa	<u>40.717.380</u>	<u>12.215.214</u>	<u>28.502.166</u>	1.054
	2020			Thời gian quá hạn Ngày
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Chi nhánh Nhà máy Phân bón Năm Sao	241.269.600	120.634.800	120.634.800	682 - 694
Công ty TNHH Nông sản và Thủy sản Hoàng Khoa	<u>40.717.380</u>	<u>20.358.690</u>	<u>20.358.690</u>	689
	<u>281.986.980</u>	<u>140.993.490</u>	<u>140.993.490</u>	



**7 HÀNG TỒN KHO**

	<b>2021</b>		<b>2020</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Nguyên vật liệu tồn kho	24.679.360.611	-	25.732.110.662	-
Chi phí SXKD dở dang	4.093.269.439	-	3.344.304.712	-
Thành phẩm tồn kho	9.369.852.666	-	13.660.593.253	(295.586.957)
	<u>38.142.482.716</u>	<u>-</u>	<u>42.737.008.627</u>	<u>(295.586.957)</u>

**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****(a) Ngắn hạn**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	95.601.756	178.663.931
Vật liệu, phụ tùng thay thế	59.070.267	116.146.083
Khác	291.364.395	203.879.210
	<u>446.036.418</u>	<u>498.689.224</u>

**(b) Dài hạn**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.104.134.997	980.312.705
Khác	1.345.539.903	1.646.479.227
	<u>2.449.674.900</u>	<u>2.626.791.932</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Số dư đầu năm	2.626.791.932	2.199.078.181
Tăng	2.444.448.238	2.312.099.232
Phân bổ trong năm	(2.621.565.270)	(1.884.385.481)
Số dư cuối năm	<u>2.449.674.900</u>	<u>2.626.791.932</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Mẫu số B 09 – DN

**9 TSCĐ hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	53.059.322.092	59.050.364.352	7.243.517.751	388.274.406	<b>119.741.478.601</b>
Mua trong năm	-	1.415.818.183	-	-	<b>1.415.818.183</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	53.059.322.092	60.466.182.535	7.243.517.751	388.274.406	<b>121.157.296.784</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	21.359.038.857	43.751.914.805	5.443.355.682	321.483.747	<b>70.875.793.091</b>
Khấu hao trong năm	2.992.654.132	6.009.758.515	572.540.221	54.744.941	<b>9.629.697.809</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	24.351.692.989	49.761.673.320	6.015.895.903	376.228.688	<b>80.505.490.900</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	31.700.283.235	15.298.449.547	1.800.162.069	66.790.659	<b>48.865.685.510</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	28.707.629.103	10.704.509.215	1.227.621.848	12.045.718	<b>40.651.805.884</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã được khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 33.568.676.291 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 5.297.580.934 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, TSCĐ hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 20.335.241.414 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 23.319.884.500 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 14).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Mẫu số B 09 – DN

**10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2021		2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Sản xuất Thương mại Phú Gia	4.784.780.000	4.784.780.000	179.300.000	179.300.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bao bì Lương Thực	4.543.000.000	4.543.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Đại Lục	3.816.954.680	3.816.954.680	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Đầu tư Phát triển Thành An	-	-	7.815.959.250	7.815.959.250
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nguyên liệu Công nghiệp Miền Nam	-	-	2.344.118.000	2.344.118.000
Khác	9.715.891.590	9.715.891.590	8.832.867.030	8.832.867.030
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	-	-	77.143.000	77.143.000
	<u>22.860.626.270</u>	<u>22.860.626.270</u>	<u>19.249.387.280</u>	<u>19.249.387.280</u>

**11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Biến động trong năm của thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.795.381.607	23.592.447.781	(19.491.445.980)	(5.502.678.278)	393.705.130
Thuế TNDN	1.052.162.613	1.728.379.318	-	(2.596.811.764)	183.730.167
Thuế thu nhập cá nhân	20.038.429	319.922.993	-	(307.940.366)	32.021.056
Thuế khác	-	79.505.846	-	(79.505.846)	-
	<u>2.867.582.649</u>	<u>25.720.255.938</u>	<u>(19.491.445.980)</u>	<u>(8.486.936.254)</u>	<u>609.456.353</u>

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 thể hiện tiền lương tháng 12, tháng 13 và các khoản lương bổ sung phải trả người lao động (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: lương tháng 12, lương tháng 13 và các khoản lương bổ sung phải trả người lao động).

**13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Kinh phí công đoàn	249.049.020	240.375.060
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.575.531	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.990.256	29.828.496
Bảo hiểm xã hội	737.100	342.924.660
Bảo hiểm y tế	609.973	60.996.013
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	-	1.509.320.736
	<u>282.961.880</u>	<u>2.183.444.965</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**Mẫu số B 09 – DN**

**14 VAY**

**(a) Vay ngắn hạn**

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>3.994.679.386</u>	<u>3.261.497.750</u>	<u>(3.994.679.386)</u>	<u>3.261.497.750</u>

**(b) Vay dài hạn**

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Vay ngân hàng	<u>5.277.241.282</u>	<u>660.600.000</u>	<u>(3.261.497.750)</u>	<u>2.676.343.532</u>

Vay ngân hàng thể hiện các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bạc Liêu theo các hợp đồng hạn mức tín dụng số 64.1104/2016-HĐTĐA-SDDBS02/NHCT862, DN-64.2006/2016-HĐTDDA/NHCT862, DN-0609/2017-HĐCVDADT/NHCT862 và DN-1111/2021-HĐCVDADT/NHCT862 – CTY BBDK ngày 11 tháng 4 năm 2016, ngày 30 tháng 6 năm 2016, ngày 6 tháng 9 năm 2017 và ngày 18 tháng 11 năm 2021 có thời hạn từ 3 đến 7 năm để phục vụ cho mục đích mua sắm, xây dựng TSCĐ của Công ty. Các khoản vay được đảm bảo bằng TSCĐ hình thành từ dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phân bón Dầu Khí Bạc Liêu” và TSCĐ khác hình thành từ vốn vay. Lãi suất của các khoản vay này là lãi suất thả nổi có điều chỉnh theo thời gian.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, TSCĐ hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 20.335.241.414 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 23.319.884.500 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 9).

**15 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	288.474.570	1.265.154.514
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh 17)	1.111.275.505	919.834.873
Sử dụng quỹ trong năm	(903.160.000)	(1.896.514.817)
Số dư cuối năm	<u>496.590.075</u>	<u>288.474.570</u>

**16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU****(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông**

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	<u>4.799.516</u>	<u>-</u>	<u>4.799.516</u>	<u>-</u>

**(b) Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.449.167	51%	2.449.167	51%
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	352.800	7%	352.800	7%
Cổ đông khác	1.997.549	42%	1.997.549	42%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>4.799.516</u>	<u>100%</u>	<u>4.799.516</u>	<u>100%</u>

**(c) Tình hình biến động vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020, ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>4.799.516</u>	<u>47.995.160.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

## 17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	47.995.160.000	8.136.334.523	5.457.331.961	<b>61.588.826.484</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	5.568.236.703	<b>5.568.236.703</b>
Trích lập Quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	534.334.360	(534.334.360)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(919.834.873)	<b>(919.834.873)</b>
Chia cổ tức (*)	-	-	(3.839.612.800)	<b>(3.839.612.800)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	47.995.160.000	8.670.668.883	5.731.786.631	<b>62.397.615.514</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	5.800.458.987	<b>5.800.458.987</b>
Trích lập Quỹ đầu tư và phát triển (**)	-	668.188.404	(668.188.404)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(1.111.275.505)	<b>(1.111.275.505)</b>
Chia cổ tức (**)	-	-	(3.839.612.800)	<b>(3.839.612.800)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	47.995.160.000	9.338.857.287	5.913.168.909	<b>63.247.186.196</b>

(\*) Quỹ đầu tư và phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, và cổ tức được trích từ lợi nhuận năm 2019 của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 24 tháng 6 năm 2020.

(\*\*) Quỹ đầu tư và phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức được trích từ lợi nhuận năm 2020 của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 22 tháng 4 năm 2021, và được hạch toán vào báo cáo tài chính theo chính sách kế toán tại thuyết minh 2.15.



**18 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2021	31.12.2020 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	5.800.458.987	5.568.236.703
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(870.068.848)	(1.111.275.505)
	<u>4.930.390.139</u>	<u>4.456.961.198</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>4.799.516</u>	<u>4.799.516</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.027</u>	<u>929</u>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2021 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/NQ-PPC-HĐ ngày 21 tháng 1 năm 2021 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 22 tháng 4 năm 2021.

(\*\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 đã được tính lại theo Thông tư 200 như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2020		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sau khi điều chỉnh trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	4.733.001.198	(276.040.000)	4.456.961.198
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>4.799.516</u>	<u>-</u>	<u>4.799.516</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>986</u>	<u>(58)</u>	<u>929</u>

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****(a) Hàng hóa giữ hộ**

Nguyên vật liệu của bên thứ ba do Công ty giữ hộ, chi tiết như sau:

Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng Kg
N.Humate+Te 28-5 (50kg)	Công ty TNHH Một thành viên Nông nghiệp Bể Tư	53.700
N.Humate+Te 28-5 (50kg)	Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Khoa	10.000
N.Humate+Te 28-5 (50kg)	Công ty TNHH Vận tải Nông nghiệp Hưng Thạnh	67.200
N.Humate+Te 28-5 (50kg)	Công ty TNHH Trọng Tín	16.000
N.Humate+Te 28-5 (25kg)	Công ty TNHH Trọng Tín	3.000

**(b) Ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 khoản mục tiền đã bao gồm số ngoại tệ 593,98 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 11.568,41 Đô la Mỹ).

**(c) Tài sản thuê hoạt động**

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 30.

**20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG**

	2021 VND	2020 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán bao bì	234.118.802.574	186.490.703.349
Doanh thu bán phân bón	95.867.366.019	93.212.132.420
	<u>329.986.168.593</u>	<u>279.702.835.769</u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	(11.827.568)	(1.085.886.150)
Hàng bán bị trả lại	-	(214.600.000)
	<u>(11.827.568)</u>	<u>(1.300.486.150)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>		
Doanh thu thuần về bán bao bì	234.106.975.006	186.490.703.349
Doanh thu thuần về bán phân bón	95.867.366.019	91.911.646.270
	<u>329.974.341.025</u>	<u>278.402.349.619</u>

**21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Giá vốn của bao bì đã bán	206.393.189.467	155.667.884.542
Giá vốn của phân bón đã bán	94.144.338.457	92.469.216.837
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(295.586.957)	-
	<u>300.241.940.967</u>	<u>248.137.101.379</u>

**22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Lãi tiền vay	599.005.366	1.490.926.058
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.366.330	65.130.480
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	1.943.430	18.152.902
	<u>603.315.126</u>	<u>1.574.209.440</u>

**23 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Chi phí nhân viên	2.063.008.314	3.071.279.011
Chi phí khấu hao TSCĐ	203.238.636	203.238.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.657.133.989	3.875.412.722
Chi phí khác	1.297.208.019	2.225.508.891
	<u>7.220.588.958</u>	<u>9.375.439.261</u>

**24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Chi phí nhân viên	7.854.146.510	5.482.781.659
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.100.905.324	1.142.881.513
Thuế, phí và lệ phí	583.279.306	242.744.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.235.122.811	2.082.629.427
Chi phí khác	2.631.649.382	3.131.282.336
	<u>14.405.103.333</u>	<u>12.082.319.488</u>



**25 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.528.838.305	6.877.108.130
Thuế tính ở thuế suất 20%	1.505.767.661	394.689.421
Thuế tính ở thuế suất 17% (*)	-	992.783.817
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	119.596.474	89.998.384
Dự phòng thiếu của năm trước	384.653.641	-
Khác	(281.638.458)	(168.600.195)
Chi phí thuế TNDN	1.728.379.318	1.308.871.427
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.728.379.318	1.308.871.427
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	1.728.379.318	1.308.871.427

Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(\*) Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì: Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 1 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn Tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013 và các quy định hiện hành, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế TNDN như sau: thuế suất ưu đãi là 20% trong thời hạn 10 năm và từ 1 tháng 1 năm 2016, thuế suất ưu đãi là 17%; đồng thời miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Theo Công văn số 380/CT-TTHT ngày 2 tháng 4 năm 2018 của Cục thuế Tỉnh Bạc Liêu, dự án Nhà máy sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu được xác định là dự án đầu tư mới. Do đó, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế TNDN như sau: thuế suất ưu đãi là 17% trong thời hạn 10 năm; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

**26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.748.536.493	144.500.922.270
Chi phí nhân viên	34.371.591.822	29.270.613.376
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.629.697.809	10.419.330.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.254.677.598	12.891.843.515
Chi phí khác	15.601.353.676	6.620.962.825
	<u>290.605.857.398</u>	<u>203.703.672.615</u>

**27 BÁO CÁO BỘ PHẬN****(a) Bộ phận theo khu vực địa lý:**

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

**(b) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Trong năm, Công ty kinh doanh mặt hàng chính là bao bì và phân bón. Chi tiết báo cáo bộ phận sản xuất và kinh doanh bao bì và bộ phận sản xuất và kinh doanh phân bón được trình bày như sau:

**27 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
	Hoạt động sản xuất và kinh doanh bao bì VND	Hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	234.106.975.006	95.867.366.019	-	329.974.341.025
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(6.832.703.115)	(4.600.829.592)	(817.730.372)	(12.251.263.079)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	(199.633.977.399)	(90.069.023.184)	(20.487.756.045)	(310.190.756.628)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>27.640.294.492</b>	<b>1.197.513.243</b>	<b>(21.305.486.417)</b>	<b>7.532.321.318</b>
Tài sản bộ phận	63.159.108.532	19.899.066.465	-	83.058.174.997
Tài sản không phân bổ	-	-	19.085.338.637	19.085.338.637
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>63.159.108.532</b>	<b>19.899.066.465</b>	<b>19.085.338.637</b>	<b>102.143.513.634</b>
Nợ phải trả bộ phận	21.357.725.016	5.258.843.582	-	26.616.568.598
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	12.279.758.840	12.279.758.840
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>21.357.725.016</b>	<b>5.258.843.582</b>	<b>12.279.758.840</b>	<b>38.896.327.438</b>
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
	Hoạt động sản xuất và kinh doanh bao bì VND	Hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	186.490.703.349	91.911.646.270	-	278.402.349.619
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(7.033.306.432)	(4.641.016.456)	(544.638.677)	(12.218.961.565)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	(148.876.681.073)	(88.643.423.882)	(21.394.683.049)	(258.914.788.004)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30.580.715.844</b>	<b>(1.372.794.068)</b>	<b>(21.939.321.726)</b>	<b>7.268.600.050</b>
Tài sản bộ phận	51.654.557.876	42.990.475.966	-	94.645.033.842
Tài sản không phân bổ	-	-	8.864.079.002	8.864.079.002
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>51.654.557.876</b>	<b>42.990.475.966</b>	<b>8.864.079.002</b>	<b>103.509.112.844</b>
Nợ phải trả bộ phận	13.009.745.896	14.517.366.992	-	27.527.112.888
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	13.584.384.442	13.584.384.442
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>13.009.745.896</b>	<b>14.517.366.992</b>	<b>13.584.384.442</b>	<b>41.111.497.330</b>



**28 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2021 VND	2020 VND
Mua tài sản chưa trả tiền	66.727.273	-

**29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ tối hậu
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại Bạc Liêu - Cửa hàng Xăng dầu số 17	Công ty thành viên thuộc tập đoàn

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các nghiệp vụ chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
<b>i) Doanh thu bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	288.955.279.005	187.404.234.359
<b>ii) Mua hàng hóa</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	54.052.026.980	52.608.450.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	2.402.560.908	1.464.480.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại Bạc Liêu - Cửa hàng Xăng dầu số 17	-	254.563.150
	56.454.587.888	54.327.493.150

**29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2021 VND	2020 VND
<b>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Nguyễn Đức Thuận	580.935.773	574.493.621
Ông Trần Thiên Hồng	114.999.070	107.319.385
Bà Trần Như Quỳnh	114.999.070	107.319.385
Ông Đinh Nhật Dương	114.999.070	107.319.385
<b>Ban Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Trung Kiên	633.748.117	574.493.621
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	422.498.745	421.359.923
Ông Trịnh Tiến Sỹ	380.322.221	351.951.018
<b>Ban kiểm soát</b>		
Ông Vũ Chí Dương	91.322.790	85.224.217
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	72.720.000	67.863.728
Bà Nguyễn Hoài Phương	72.720.000	35.233.901
	<u>2.599.264.856</u>	<u>2.432.578.184</u>
<b>iv) Chia cổ tức</b>		
<b>Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau</b>		
Chia cổ tức	<u>1.959.333.600</u>	<u>1.959.333.600</u>
<b>v) Chi phí nhân hiệu</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>500.000.000</u>	<u>65.314.401</u>
<b>(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan</b>		
	2021 VND	2020 VND
<b>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	<u>1.946.309.432</u>	<u>4.979.921.471</u>
<b>ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10)</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	<u>-</u>	<u>77.143.000</u>



**29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2021 VND	2020 VND
iii) <b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 13)</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	1.509.320.736

**30 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Thuê đất, nhà kho	
	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	816.137.176	356.400.000
Từ 1 đến 5 năm	3.048.548.703	534.600.000
Trên 5 năm	13.930.309.704	15.756.126.995
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	17.794.995.583	16.647.126.995

**31 NỢ TIỀM TÀNG**

Hiện tại, Công ty đang thuê quyền sử dụng đất để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại ngày báo cáo tài chính này, bên cho thuê đất và Công ty vẫn chưa xác định được phương thức xử lý tài sản hình thành trên đất thuê sau khi kết thúc thời hạn thuê do thời hạn thuê có thời gian dài (có thời hạn thuê đến 50 năm) và do đó, Công ty đánh giá chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng chỉ xảy ra khi thời hạn thuê kết thúc và Công ty không xin gia hạn thời hạn thuê nên Công ty chưa trích lập chi phí khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất này trong báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 14 tháng 3 năm 2022.



Trịnh Thanh Trúc  
Người lập



Lê Cảnh Khánh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc